

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THÔNG BÁO DOANH THU/TỜ KHAI THUẾ**  
**ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ BẤT ĐỘNG SẢN**

*(Áp dụng đối với cá nhân có hoạt động cho thuê bất động sản trừ hoạt động kinh doanh lưu trú trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế)*

- ☐ Cá nhân cho thuê bất động sản thông báo doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống  
☐ Cá nhân cho thuê bất động sản có doanh thu năm trên 01 tỷ đồng  
☐ Cho phép điều chỉnh, bổ sung các tờ khai cùng kỳ đã kê khai theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC, Thông tư số 18/2026/TT-BTC

[01] Kỳ tính thuế: [01a] 6 tháng đầu năm  
[01b] 6 tháng cuối năm  
[01c] Năm .....

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ:....

[04] Người nộp thuế: .....

[05] Mã số thuế: .....

[06] Số tài khoản ngân hàng/Số hiệu ví điện tử: .....

[06.1] Tên chủ tài khoản: .....

[06.2] Mở tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán/Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán: .....

[07] Mã địa điểm kinh doanh nơi nộp tờ khai: .....

[07.1] Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

[07.2] Xã/phường/dặc khu:.....

[07.3] Tỉnh/TP: .....

[08] Tổ chức/cá nhân khai, nộp thuế thay theo ủy quyền (nếu có): .....

[08.1] Mã số thuế: .....

[08.2] Văn bản ủy quyền (nếu có): Số ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

[09] Tên đại lý thuế (nếu có): .....

[09.1] Mã số thuế: .....

**A. KÊ KHAI THUẾ GTGT, TNCN**

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
1	Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ	[10]	

2	Doanh thu tính thuế TNCN được trừ	[11]	
3	Tổng số thuế GTGT phải nộp [12] = [10] x 5%	[12]	
6	Tổng số thuế TNCN phát sinh trong kỳ [13] = ([10] - [11]) x 5%	[13]	
7	Tiền phạt, bồi thường mà bên cho thuê nhận được theo thỏa thuận tại hợp đồng (nếu có)	[14]	
8	Tổng số thuế TNCN phải nộp từ nhận tiền phạt, bồi thường (nếu có) [15] = [14] x 5%	[15]	
9	Tổng số thuế TNCN phải nộp [16] = [13] + [15]	[16]	
10	Số thuế TNCN được miễn	[17]	
11	Số thuế TNCN còn phải nộp	[18]	
12	Tổng số thuế còn phải nộp [19] = [12] + [18]	[19]	

(TNCN: Thu nhập cá nhân; GTGT: Giá trị gia tăng)

#### B. HỒ TRỢ TỰ ĐỘNG THÔNG TIN NỘP THUẾ

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Mã địa điểm kinh doanh	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền	Chương	Tiểu mục	Địa bàn hành chính	Cơ quan thu	Cơ quan thuế	Hạn nộp thuế
[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]	[29]
1									
...									
Tổng cộng			[30]						

Người nộp thuế còn được tiếp tục trừ.... đồng vào doanh thu tính thuế TNCN của kỳ tiếp theo.

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

....., ngày ... tháng ... năm .....

Họ và tên: .....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

Chứng chỉ hành nghề số: .....

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Ký, ghi rõ họ tên/Ký điện tử)

#### Ghi chú:

- Chỉ tiêu [06], [06.1], [06.2]: khai một lần khi cá nhân chưa gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử với cơ quan thuế hoặc hợp đồng cho thuê bất động sản chưa có thông tin số tài khoản/số hiệu ví điện tử.

- Chi tiêu [08]: Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự (không bao gồm trường hợp tổ chức là bên đi thuê khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân).
- Cá nhân có nhiều bất động sản cho thuê trên cùng địa bàn một tỉnh, thành phố hoặc khác tỉnh, thành phố, thực hiện khai thuế tổng hợp chung cho các bất động sản trên một (01) hồ sơ khai thuế và lựa chọn một (01) cơ quan thuế nơi có bất động sản cho thuê để nộp hồ sơ khai thuế (trừ trường hợp tổ chức là bên đi thuê khai thuế thay, nộp thuế thay). Cá nhân thực hiện kê khai doanh thu, số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp và nộp thuế theo từng địa điểm nơi có bất động sản cho thuê.